TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08-9-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Thuận.

2. Ông Nguyễn Xuân Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 221/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1977. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn*: Anh Trương Văn K, sinh năm 1990. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã , huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2022 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị D, bản tự khai của bị đơn anh Trương Văn K nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Trương Văn K kết hôn với nhau vào năm 2014, trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, chị D anh K có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới chị D anh K về chung sống cùng nhau ngay và ở tại gia đình anh K. Chị D anh K đều xác định vợ chồng chung sống ban đầu hòa thuận hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, chưa tìm hiểu nhau kỹ thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống không có hạnh phúc. Mặc dù sau nhiều năm cố gắng để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng cuộc sống trên giữa anh chị kéo dài nhiều năm vẫn không cải thiện, chị D anh K sống ly thân từ tháng 02/2021 đến nay không còn ai quan tâm tới ai. Thời gian vợ chồng sống ly thân chị D có về ở tại nhà bố mẹ đẻ chị D tại thôn Suối Trà, xã Hòa Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn sinh sống. Gia đình họ hàng hai bên cũng có hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành. Nay chị D thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trương Văn K, anh Trương Văn K cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn chị D xin ly hôn với anh K nhất trí ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

- Về con chung: Chị D anh K có 02 con chung là cháu Trương Mỹ H, sinh năm ngày 17/8/2014 và cháu Trương Thị Kim N, sinh ngày 19/6/2016. Hiện hai con chung đang ở cùng chị Nguyễn Thị D. Vợ chồng ly hôn chị D anh K cùng nhất trí để chị D là người chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chị D anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Trương Văn K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Trương Thị Kim N và cháu Trương Mỹ H vào ngày 22/8/2023 hai cháu đều trình bày có nguyện vọng được ở với mẹ Nguyễn Thị D.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị D và anh Trương Văn K vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện của chị D và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D, cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Trương Văn K.

-Về con chung: Giao hai con chung là Trương Mỹ H, sinh ngày 17/8/2014 và Trương Thị Kim N, sinh ngày 19/6/2016 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, con chung với anh Trương Văn K. Bị đơn anh Trương Văn K đang sinh sống và ở tại thôn Đồng Mậm, xã Sơn Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D và anh Trương Văn K vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị D và anh Trương Văn K.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Chị Nguyễn Thị D và anh Trương Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang vào ngày 03 tháng 11 năm 2014. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Như vậy xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Trong quá trình chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, xích mích. Chị D anh K đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2021 đến nay không còn ai quan tâm tới ai. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D anh K là có thật. Sau khi thụ lý vụ án chị D anh K đều cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau nữa. Quá trình giải quyết, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K. Bị đơn anh Trương Văn K cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống nên nhất trí theo yêu cầu ly hôn của chị D.

[5] Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị Nguyễn Thị D và anh Trương Văn K đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị D và anh Trương Văn K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia

đình xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Trương Văn K. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Trương Văn K phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[6] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Trương Văn K có 02 con chung là Trương Mỹ H, sinh năm ngày 17/8/2014 và Trương Thị Kim N, sinh ngày 19/6/2016. Trường hợp vợ chồng ly hôn chị D và anh K đều nhất trí để chị Nguyễn Thị D chăm sóc nuôi dưỡng con chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi vợ chồng ly thân thì con chung ở cùng chị D và do chị D nuôi dưỡng phát triển ổn định. Các con chung đều có nguyện vọng ở cùng chị D khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định của các con chung cần giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nguyện vọng của các con chung, phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết vì các đương sự không yêu cầu.

[7] Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8]Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Trương Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Mỹ H, sinh ngày 17/8/2014 và cháu Trương Thị Kim N, sinh ngày 19/6/2016 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Trương Văn K được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh Trương Văn K thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004088 ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã Sơn Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (số 27/2014);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Đức Nhường